

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Thanh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Ủy viên
Ông Bùi Tất Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Bá Minh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24/08/2018)
Ông Nguyễn Thế Huân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Nam	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 19/07/2016
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/07/2016

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám Công ty độc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Khiêm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019



Số: 185 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị của một số khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2018 với giá trị khoảng 3,9 tỷ đồng để đánh giá liệu có phải ghi nhận vào giá thành thành phẩm nhập kho trong năm hay không. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng chưa trích lập đầy đủ. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành thì trong báo cáo tài chính, khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên khoảng 1,07 tỷ đồng và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 1,07 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có một số vật tư, thành phẩm chậm luân chuyển, Công ty chưa xem xét đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho này. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6, tòa nhà HUD, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel : (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel : (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 06 - Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả về số dư khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động – Giày dép các loại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.789.783.255	86.817.843.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.208.092.280	2.161.415.677
1. Tiền	111	4	1.208.092.280	2.161.415.677
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.249.249.903	7.188.591.667
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.249.249.903	7.188.591.667
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.702.696.376	18.768.826.740
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.367.599.365	28.826.604.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.570.250.896	1.152.559.126
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	983.058.437	1.007.875.720
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.218.212.322)	(12.218.212.322)
IV. Hàng tồn kho	140	10	52.238.571.429	56.656.904.960
1. Hàng tồn kho	141		52.238.571.429	56.656.904.960
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		391.173.267	2.042.104.916
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	331.989	248.531.120
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		270.131.380	1.456.933.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	120.709.898	336.640.249
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.929.755.592	81.619.541.171
I. Tài sản cố định	220		69.946.137.940	77.028.532.507
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	69.946.137.940	77.028.532.507
- Nguyên giá	222		179.690.521.247	179.611.021.247
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.744.383.307)	(102.582.488.740)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.983.617.652	4.591.008.664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.983.617.652	4.591.008.664
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		151.719.538.847	168.437.385.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		91.992.026.852	91.703.722.888
I. Nợ ngắn hạn	310		91.992.026.852	91.703.722.888
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	34.869.298.263	28.166.965.464
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	779.099.136	3.754.632.734
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.708.111.261	687.743.155
4. Phải trả người lao động	314		2.463.939.481	1.678.158.900
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.000.000	88.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	11.838.200.126	13.514.925.652
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	39.284.596.709	43.804.515.107
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.781.876	8.781.876
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		59.727.511.995	76.733.662.243
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	59.727.511.995	76.733.662.243
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.000.000.000	93.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.000.000.000	93.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		357.141.706	357.141.706
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(33.629.629.711)	(16.623.479.463)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(16.630.622.908)	457.222.393
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		151.719.538.847	168.437.385.131

Nguyễn Văn Khiêm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Trịnh Thị Thúy Mai
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai
Người lập biểu



Trịnh Thị Thúy Mai
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trịnh Thị Thúy Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		174.282.555.775	202.619.737.509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.763.316.449
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	174.282.555.775	197.856.421.060
4. Giá vốn hàng bán	11	21	158.009.578.395	170.612.571.491
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.272.977.380	27.243.849.569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	640.672.392	690.940.962
7. Chi phí tài chính	22	24	2.661.084.170	2.178.834.516
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.216.984.028	1.892.875.237
8. Chi phí bán hàng	25	25	3.193.954.719	3.314.662.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	27.947.331.160	38.728.001.563
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(16.888.720.277)	(16.286.707.938)
11. Thu nhập khác	31		190.653	7.193.445
12. Chi phí khác	32		110.477.179	801.187.363
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(110.286.526)	(793.993.918)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(1.827,85)	(1.836,63)

Nguyễn Văn Khiêm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Trịnh Thị Thúy Mai
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai
Người lập biểu



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trịnh Thị Thúy Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.161.894.567	8.028.758.973
- Các khoản dự phòng	03	-	9.718.212.322
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	230.133.982	8.623.900
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(374.942.267)	(330.103.945)
- Chi phí lãi vay	06	2.216.984.028	1.892.875.237
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.764.936.493)	2.237.664.631
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.597.656.765)	3.466.951.735
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.418.333.531	(10.175.431.720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.800.085.172	(5.556.101.477)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.855.590.143	3.855.503.623
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.216.984.028)	(1.892.875.237)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.154.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	494.431.560	(9.218.288.445)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(79.500.000)	(107.832.727)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.249.249.903)	(7.188.591.667)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.188.591.667	9.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	374.942.267	434.651.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.234.784.031	2.138.227.551
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	111.723.187.286	154.529.817.057
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(116.405.549.890)	(148.321.553.595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.682.362.604)	6.208.263.462
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(953.147.013)	(871.797.432)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.161.415.677	3.033.684.732
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(176.384)	(471.623)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.208.092.280	2.161.415.677



Nguyễn Văn Khiêm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Trịnh Thị Thúy Mai
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/07/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Tên cũ là Công ty TNHH Nhà nước MTV Giấy Thượng Đình. Ngày 19/07/2016 chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước từ Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/06/2016 của UBND thành phố Hà Nội. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0100100939 ngày 01/09/2005 và thay đổi lần thứ 4 ngày 19/07/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 93.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên Công ty tại Hà Nội ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 835 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 835 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất các loại giấy vải, giấy thể thao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Công ty

Công ty có 2 chi nhánh bao gồm:

- Nhà máy sản xuất giấy da xuất khẩu. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình tại Sầm Sơn - Thanh Hóa. Địa chỉ: Số 44, đường Tô Hiến Thành, phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 12.202.243.597 đồng. Đồng thời số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 33.629.629.711 đồng. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, theo đó ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá được kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới và việc Công ty có thể gia hạn được thời gian thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn. Do đó, Tổng Giám đốc cho rằng tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi và Báo cáo tài chính được lập trên giả định hoạt động liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao (Số năm)</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	08

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí làm nhà mẫu và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm.

Chi phí trả trước là giá trị lợi thế kinh doanh được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Nợ phải trả

Nợ phải thu là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	485.637.906	544.154.115
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	722.454.374	1.617.261.562
	1.208.092.280	2.161.415.677

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng với giá trị tại ngày 31/12/2018 là 4.249.249.903 đồng (tại ngày 01/01/2018 là 7.188.591.667 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Central Park	6.414.274.453	5.089.334.183
Melcosa	2.072.382.688	2.313.897.501
Công ty TNHH TM BHLĐ Giày dép các loại (i)	11.372.584.168	11.392.584.168
Nguyễn Đắc Quý - CN TP H.C.M	651.659.333	1.151.659.333
MANGO- Quanzhou Dayu Foreign Trade Ltd	1.848.695.200	-
Công ty TNHH Phong Châu	1.015.218.489	-
Công ty CP Thanh Bắc - Thái Bình Dương	3.946.545.390	3.016.346.987
Các đối tượng khác	4.046.239.644	5.862.782.044
	<u>31.367.599.365</u>	<u>28.826.604.216</u>

Ghi chú:

- (i) Trong số dư phải thu của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại có một số khoản trả hộ cho đối tượng khác, cụ thể như sau:

Theo văn bản thoả thuận ngày 14 tháng 03 năm 2017 giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Khánh Toàn; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại và Công ty, Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại sẽ thay Hộ kinh doanh Nguyễn Khánh Toàn trả nợ cho công ty với số tiền là 3.559.629.131 đồng.

Cũng theo văn bản thoả thuận ngày 14 tháng 03 năm 2017 giữa Hộ kinh doanh Đỗ Thị Hoà; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại và Công ty, Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại sẽ thay Hộ kinh doanh Đỗ Thị Hoà trả nợ cho công ty với số tiền là 6.042.076.599 đồng.

Theo công văn số 10/2018/CV-CT ngày 02/02/2018 của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động – Giày dép các loại đã xác nhận số tiền còn nợ là 11.392.584.168 đồng và cam kết trả nợ cho Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình, tuy nhiên trong năm 2018 Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động – Giày dép các loại chỉ thực hiện trả nợ số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số dư phải thu tại ngày 31/12/2018 của các khoản này là 11.372.584.168 đồng, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, nhưng vẫn đang đốc thúc để thu hồi khoản công nợ trên.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Việt hà (i)	350.000.000	350.000.000
Tung tâm tư vấn kiến trúc & đầu tư xây dựng (i)	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần kiến trúc đô thị Việt Nam (i)	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	920.250.896	502.559.126
	<u>1.570.250.896</u>	<u>1.152.559.126</u>

Ghi chú: (i) Là các khoản ứng trước cho người bán liên quan đến dự án xây dựng nhà máy tại Hà Nam, tuy nhiên nhà máy đang tạm dừng. Sau khi hoàn thành thoái vốn Nhà nước tại Công ty thì Công ty sẽ xem xét việc triển khai tiếp hay dừng hẳn đối với dự án, sau đó Công ty sẽ có biện pháp xử lý các khoản ứng trước trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>	983.058.437	-	1.007.875.720	-
Tạm ứng	34.860.000	-	2.540.000	-
Phải thu khác	948.198.437	-	1.005.335.720	-
<i>Phải thu theo BBKT Cục thuế Hà Nam (i)</i>	<i>814.013.308</i>	-	<i>814.013.308</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>134.185.129</i>	-	<i>191.322.412</i>	-

Ghi chú: (i) Là khoản điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Cục thuế tỉnh Hà Nam sau khi đã có phê duyệt chi phí cổ phần hóa và giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình.

9. NỢ XẤU

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TM BHLĐ Giấy dếp các loại (i)	11.372.584.168	-	11.392.584.168	-
NEXT PLC	825.628.154	-	825.628.154	-
Đối tượng khác	20.000.000	-	-	-
	12.218.212.322	-	12.218.212.322	-

Ghi chú:

(i) Như đã trình bày tại thuyết minh số 06, đây là các khoản phải thu do Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ Lao động Giấy dếp các loại đứng tên chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ.

10. HÀNG TỒN KHO

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.182.017.639	-	14.475.761.449	-
Công cụ, dụng cụ	229.651.643	-	395.941.381	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.175.506.656	-	11.470.115.640	-
Thành phẩm	29.651.395.491	-	30.315.086.490	-
	52.238.571.429	-	56.656.904.960	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	146.616.886.477	29.379.849.755	2.920.230.755	229.554.260	464.500.000	179.611.021.247
Tăng trong năm	-	79.500.000	-	-	-	79.500.000
Số dư cuối năm	146.616.886.477	29.459.349.755	2.920.230.755	229.554.260	464.500.000	179.690.521.247
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	77.893.023.386	22.517.269.292	1.532.990.659	214.441.765	424.763.638	102.582.488.740
Khấu hao trong năm	4.069.523.757	2.753.109.395	310.124.316	15.112.495	14.024.604	7.161.894.567
Số dư cuối năm	81.962.547.143	25.270.378.687	1.843.114.975	229.554.260	438.788.242	109.744.383.307
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	68.723.863.091	6.862.580.463	1.387.240.096	15.112.495	39.736.362	77.028.532.507
Số dư cuối năm	64.654.339.334	4.188.971.068,00	1.077.115.780	-	25.711.758	69.946.137.940

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 17.758.555.278 đồng. Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Văn phòng Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 27.063.572.329 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 28.901.336.998 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	331.989	248.531.120
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	331.989	248.531.120
b) Dài hạn	1.983.617.652	4.591.008.664
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.482.015.330	3.229.516.690
Giá trị lợi thế kinh doanh	501.602.322	1.361.491.974

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TMDV Dệt may Thanh Tùng	5.873.599.932	5.873.599.932	3.818.763.817	3.818.763.817
Công ty Lợi Thành	4.268.300.878	4.268.300.878	3.302.393.650	3.302.393.650
Vũ Thị Nga	1.845.389.835	1.845.389.835	1.939.389.835	1.939.389.835
Công ty TNHH NPL Da giấy Phương Nam	2.557.879.437	2.557.879.437	3.014.107.461	3.014.107.461
HTX CN Trường Sơn	1.776.312.550	1.776.312.550	1.372.752.520	1.372.752.520
Công ty CP Thiên Sơn	2.069.448.040	2.069.448.040	1.481.354.752	1.481.354.752
Đối tượng khác	16.478.367.591	16.478.367.591	13.238.203.429	13.238.203.429
	34.869.298.263	34.869.298.263	28.166.965.464	28.166.965.464

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	779.099.136	3.754.632.734
Công ty CP Giấy Thái Thịnh	-	1.387.549.872
Nippon Steel and Sumikin bussan Corporation	413.144.782	2.306.394.314
Các đối tượng khác	365.954.354	60.688.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	60.830.220	833.752.616	823.790.409	70.792.427
Thuế thu nhập cá nhân	7.796.575	10.664.970	15.149.765	3.311.780
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	619.116.360	7.469.661.500	5.454.770.806	2.634.007.054
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	687.743.155	8.314.079.086	6.293.710.980	2.708.111.261
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	215.930.351	1.622.994.280	1.407.063.929	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	36.010.140	36.010.140	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.709.898	-	-	120.709.898
Các loại thuế khác	-	5.420.000	5.420.000	-
	336.640.249	1.664.424.420	1.448.494.069	120.709.898

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.342.511.875	1.025.876.493
Bảo hiểm trích theo lương	384.867.204	317.696.878
Phải trả về cổ phần hóa	1.442.349	2.091.720.031
Phải trả khác	10.109.378.698	10.079.632.250
- Phải trả khoản nhận ứng trước hợp đồng (i)	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải trả đối tượng khác	109.378.698	79.632.250
	11.838.200.126	13.514.925.652

Ghi chú: (i) Khoản nhận ứng trước của các công ty tham gia hợp tác đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng, nhà ở cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại tại địa chỉ số 277 Nguyễn Trãi và số 74 phố Hạ Đình thuộc phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo thỏa thuận nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 01/2010/TTNTHTKD ngày 11/11/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - USD (i)	43.804.515.107	43.804.515.107	111.885.631.492	116.405.549.890	39.284.596.709	39.284.596.709
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (i)	17.182.755.643	17.182.755.643	40.343.458.624	43.000.341.708	14.525.872.559	14.525.872.559
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (i)	26.621.759.464	26.621.759.464	71.542.172.868	73.405.208.182	24.758.724.150	24.758.724.150

Ghi chú: (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/18/HM/51465 ngày 08/11/2018. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Đồng tiền cho vay mỗi khoản nợ là đồng Việt Nam và/hoặc đô la Mỹ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn ngân hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Trường hợp bên vay được ưu đãi lãi suất và bị chuyển nợ nhóm 2, bên cho vay áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo thông báo của bên cho vay cho toàn bộ thời gian giải ngân thực tế. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay thông thường. Hình thức giải ngân vốn vay bằng chuyển khoản, tiền mặt. Lãi vay vốn trong hạn bằng dư nợ gốc thực tế nhân số ngày vay thực tế nhân lãi suất cho vay trong hạn chia cho 365 ngày. Biện pháp bảo đảm bằng tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng tại Khu công nghiệp Đông Văn, thị trấn Đông Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; và một số máy móc thiết bị sản xuất của Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THƯƠNG ĐÌNH
Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	93.000.000.000	357.141.706	457.222.393	93.814.364.099
Lãi trong kỳ	-	-	(17.080.701.856)	(17.080.701.856)
Số dư tại ngày cuối năm trước	93.000.000.000	357.141.706	(16.623.479.463)	76.733.662.243
Lãi trong năm	-	-	(16.999.006.803)	(16.999.006.803)
Giảm khác	-	-	(7.143.445)	(7.143.445)
Số dư cuối năm nay	93.000.000.000	357.141.706	(33.629.629.711)	59.727.511.995

Vốn điều lệ

	Vốn đã góp	
	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
UBND thành phố Hà Nội	63.858.670.000	63.858.670.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thái Bình	9.300.000.000	9.300.000.000
Các cổ đông khác	19.841.330.000	19.841.330.000
Cộng	93.000.000.000	93.000.000.000
	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.300.000	9.300.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.300.000	9.300.000
+ Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Cuối năm	Đầu năm
	USD	USD
Đô la Mỹ	1.471,29	43.386,29

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.282.555.775	202.619.737.509
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<i>Trong đó:</i>		
- Giảm giá hàng bán	-	4.763.316.449
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.282.555.775	197.856.421.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	158.009.578.395	170.612.571.491
	<u>158.009.578.395</u>	<u>170.612.571.491</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.264.853.616	101.510.163.320
Chi phí nhân công	64.240.356.431	68.319.341.083
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.161.894.567	8.028.758.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.165.140.311	31.336.436.232
Chi phí khác bằng tiền	8.610.808.307	5.498.662.253
Chi phí dự phòng	-	9.718.212.322
	<u>187.443.053.232</u>	<u>224.411.574.183</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	374.942.267	330.103.945
Chênh lệch tỷ giá	265.730.125	360.837.017
	<u>640.672.392</u>	<u>690.940.962</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá	444.100.142	285.959.279
Lãi vay	2.216.984.028	1.892.875.237
	<u>2.661.084.170</u>	<u>2.178.834.516</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí khuyến mại, quảng cáo	1.488.401.667	924.722.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.705.553.052	2.389.939.883
	3.193.954.719	3.314.662.390
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	14.929.311.280	17.243.895.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.617.524.463	1.549.309.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.828.503.050	4.730.254.249
Chi phí khác bằng tiền	8.571.992.367	5.486.329.667
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	9.718.212.322
	27.947.331.160	38.728.001.563

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	170.029.765	200.766.079
<i>Lỗi do đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền và khoản phải thu,</i>	59.552.586	-
<i>Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền và khoản phải</i>	-	(10.347.367)
<i>thu</i>		
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	110.477.179	211.113.446
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Ngoài khoản chi phí không được trừ và thu nhập không chịu thuế nêu trên, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt nào khác so với lợi nhuận kế toán. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	9.300.000	9.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.827,85)	(1.836,63)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty đang thuê đất trả tiền hàng năm tại các địa điểm như sau:

- Thuê đất tại số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 413/24599/ĐC-NQ-HĐTĐ ngày 29/10/1999 với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 01/01/2016. Hiện tại, Công ty đang làm các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất.
- Thuê đất tại Khu công nghiệp Đông Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/08/2011 cho Công ty TNHH Nhà nước MTV Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 12/10/2054.
- Thuê đất tại phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/12/2016 cho Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 01/01/2036.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	39.284.596.709	43.804.515.107
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.208.092.280)	(2.161.415.677)
Nợ thuần	38.076.504.429	41.643.099.430
Vốn chủ sở hữu	59.727.511.995	76.733.662.243
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	63,8%	54,3%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.208.092.280	2.161.415.677
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.097.585.480	17.613.727.614
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.249.249.903	7.188.591.667
Các khoản ký quỹ	-	-
Tổng cộng	25.554.927.663	26.963.734.958
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	39.284.596.709	43.804.515.107
Phải trả người bán và phải trả khác	46.707.498.389	41.681.891.116
Tổng cộng	85.992.095.098	85.486.406.223

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.208.092.280	-	1.208.092.280
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.097.585.480	-	20.097.585.480
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.249.249.903	-	4.249.249.903
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Tổng cộng	25.554.927.663	-	25.554.927.663
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	39.284.596.709	-	39.284.596.709
Phải trả người bán và phải trả khác	46.707.498.389	-	46.707.498.389
Tổng cộng	85.992.095.098	-	85.992.095.098
Chênh lệch thanh khoản thuần	(60.437.167.435)	-	(60.437.167.435)
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.161.415.677	-	2.161.415.677
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.613.727.614	-	17.613.727.614
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.188.591.667	-	7.188.591.667
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Tổng cộng	26.963.734.958	-	26.963.734.958
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	43.804.515.107	-	43.804.515.107
Phải trả người bán và phải trả khác	41.681.891.116	-	41.681.891.116
Tổng cộng	85.486.406.223	-	85.486.406.223
Chênh lệch thanh khoản thuần	(58.522.671.265)	-	(58.522.671.265)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch sau với bên liên quan.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.110.113.000	1.491.950.500

31. TRỢ CẤP THÔI VIỆC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Theo quy định hiện hành, trợ cấp thôi việc cho người lao động được xác định mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty chưa trích trước trợ cấp thôi việc cho người lao động. Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và xác định sẽ hạch toán chi phí trợ cấp thôi việc ở thời điểm thực tế có người lao động thôi việc.

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty đang thuê đất trả tiền hàng năm tại các địa điểm như sau:

- Thuê đất tại số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 413/24599/ĐC-NQ-HĐTĐ ngày 29/10/1999 với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 01/01/2016. Hiện tại, Công ty đang làm các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất.
- Thuê đất tại Khu công nghiệp Đông Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/08/2011 cho Công ty TNHH Nhà nước MTV Giày Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 12/10/2054.
- Thuê đất tại phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/12/2016 cho Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 01/01/2036.




Nguyễn Văn Khiêm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trịnh Thị Thúy Mai

Trịnh Thị Thúy Mai
Kế toán trưởng


Trịnh Thị Thúy Mai
Người lập biểu